

Số: /QĐ-TKT

Hưng Yên, ngày 14 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026
của Thống kê tỉnh Hưng Yên

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-CTK ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc giao Kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2026 đối với Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026 của Thống kê tỉnh Hưng Yên, gồm các ấn phẩm, chỉ tiêu thống kê công bố định kỳ hằng tháng, quý, cả năm và các sản phẩm không thường xuyên do các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh biên soạn, phổ biến trong năm 2026.

Điều 2. Căn cứ Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026, các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc biên soạn, phổ biến các thông tin thống kê thuộc lĩnh vực phụ trách, bảo đảm

thời gian quy định; Phòng Thống kê Tổng hợp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026 của Thống kê tỉnh Hưng Yên, báo cáo Trưởng Thống kê tình hình thực hiện khi được yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp; Trưởng các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê (Ban THĐN);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo TKT;
- Các đơn vị thuộc TKT;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Đào Trọng Truyền

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 14 tháng 12 năm 2025

**LỊCH PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ
CỦA THỐNG KÊ TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2026**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TKT ngày 14 tháng 12 năm 2025
của Trưởng Thống kê tỉnh Hưng Yên)

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	C	D	E	F
I	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG				
1	Ấn phẩm				
1.1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.2	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 và 2 tháng năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.3	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
1.4	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.5	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.6	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.7	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.8	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh				
2.1	Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp				
	Doanh nghiệp đăng ký thành lập	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, giải thể	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.2	Đầu tư và xây dựng				
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà do địa phương quản lý	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.3	Tiền tệ và bảo hiểm				
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.4	Công nghiệp				
	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.5	Thương mại, dịch vụ				
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.6	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.7	Giao thông vận tải				
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.8	Du lịch				
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.9	Trật tự, an toàn xã hội				
	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.10	Bảo vệ môi trường				
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại (nếu có)	Sơ bộ	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Số liệu thống kê toàn tỉnh khác				
3.1	Tài chính công				
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
3.2	Nông nghiệp và thủy sản				
	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm chủ yếu	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3.3	Chỉ số giá				

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Chỉ số giá vàng	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá đô la Mỹ	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
II	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HẰNG QUÝ				
1	Ấn phẩm				
1.1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và Quý I năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.2	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.3	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.4	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2026	Ước tính	02/01/2027	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.1	Đầu tư và xây dựng				
	Số dự án và số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.2	Tài khoản quốc gia				
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Ước tính	- Quý I: 01/4/2026 - Quý II và 6 tháng: 01/7/2026 - Quý III và 9 tháng: 01/10/2026 - Quý IV và cả năm: 01/12/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ	- Quý VI/2025: 01/4/2026 - Quý I: 01/7/2026 - Quý II và 6 tháng: 01/10/2026 - Quý III và 9 tháng: 01/12/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức các quý năm 2024	01/10/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn	Ước tính	- Quý I: 01/4/2026 - Quý II và 6 tháng: 01/7/2026 - Quý III và 9 tháng: 01/10/2026 - Quý IV và cả năm: 01/12/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ	- Quý VI/2025: 01/4/2026 - Quý I: 01/7/2026 - Quý II và 6 tháng: 01/10/2026 - Quý III và 9 tháng: 01/12/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức các quý năm 2024	01/10/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	Ước tính	- Quý I: 01/4/2026 - Quý II và 6 tháng: 01/7/2026 - Quý III và 9 tháng: 01/10/2026 - Quý IV và cả năm: 01/12/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		Sơ bộ	- Quý VI/2025: 01/4/2026 - Quý I: 01/7/2026 - Quý II và 6 tháng: 01/10/2026 - Quý III và 9 tháng: 01/12/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức các quý năm 2024	01/10/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.3	Tài chính công				
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.4	Tiền tệ và bảo hiểm				
	Số dư huy động vốn, dự nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.5	Nông, lâm nghiệp và thủy sản				
	Diện tích cây hằng năm			Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	- Vụ Đông	Chính thức	02/7/2026		
	- Vụ Xuân	Ước tính	02/10/2026		
	- Vụ Mùa	Ước tính	02/12/2026		

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu			Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và xã hội
	- Vụ Đông	Chính thức	02/7/2026		
	- Vụ Xuân	Ước tính	02/10/2026		
	- Vụ Mùa	Ước tính	02/12/2026		
	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu			Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và xã hội
	- Vụ Đông	Chính thức	02/7/2026		
	- Vụ Xuân	Ước tính	02/10/2026		
	- Vụ Mùa	Ước tính	02/12/2026		
	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (6 tháng)	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và xã hội
	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu (Quý)	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và xã hội
	Sản lượng thủy sản (6 tháng)	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.6	Công nghiệp				
	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.7	Thương mại, dịch vụ				
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.8	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.9	Giao thông vận tải				
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.10	Công nghệ thông tin và truyền thông				
	Số lượng thuê bao điện thoại	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.11	Du lịch				
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách du lịch nội địa	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.12	Trật tự, an toàn xã hội				
	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.13	Tư pháp (6 tháng)				
	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Chính thức	Ngày 29 tháng cuối quý báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Chính thức	Ngày 29 tháng cuối quý báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Số liệu thống kê khác				
3.1	Chỉ số giá				

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Chỉ số giá vàng	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá đô la Mỹ	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
III	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM				
1	Ấn phẩm				
1.1	Niên giám Thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2025	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.2	Niên giám thống kê các xã, phường tỉnh Hưng Yên năm 2025	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
2.1	Đất đai, dân số				
	Diện tích và cơ cấu đất	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Dân số, mật độ dân số	Chính thức	30/7/2026	Ấn phẩm,	Phòng Thống kê Nông

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		2024 và sơ bộ 2025		Website	ngành và Xã hội
	Số hộ	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ số giới tính khi sinh	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ suất sinh thô	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tổng tỷ suất sinh	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ suất chết thô	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ tăng dân số	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số cuộc kết hôn	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ ly hôn	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tuổi ly hôn trung bình	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ đô thị hóa	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.2	Lao động, việc làm và bình đẳng giới				
	Lực lượng lao động	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Chính thức 2024 và sơ	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		bộ 2025			
	Tỷ lệ thất nghiệp	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ người từ 05-17 tuổi tham gia lao động	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Năng suất lao động	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Thu nhập bình quân của lao động đang làm việc	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.3	Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp				
	Số doanh nghiệp, số lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu thuần, thu nhập của người lao động, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Chính thức 2024	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Chính thức 2024	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Chính thức 2024	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.4	Đầu tư và xây dựng				
	Số dự án và số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Năng lực mới tăng chủ yếu trên địa bàn	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Chính thức 2024 và sơ	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		bộ 2025			
	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.5	Tài khoản quốc gia				
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Chính thức 2023	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ năm 2024	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính năm 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức 2023	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ năm 2024	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính năm 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức 2023	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		Sơ bộ năm 2024	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính năm 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người	Chính thức 2023	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ năm 2024	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính năm 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.6	Tài chính công				
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ cấu thu	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ cấu chi	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.7	Tiền tệ và bảo hiểm				
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Chính thức 2024 và sơ	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		bộ 2025			
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm xã hội	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm y tế	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.8	Nông, lâm nghiệp và thủy sản				
	Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hằng năm	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Diện tích cây lâu năm	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích thu hoạch thủy sản	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.9	Công nghiệp				
	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.10	Thương mại, dịch vụ				
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.11	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.12	Giao thông vận tải				
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.13	Công nghệ thông tin và truyền thông				
	Số lượng thuê bao điện thoại	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ người sử dụng internet	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.14	Khoa học và công nghệ				
	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.15	Giáo dục				
	Số cơ sở giáo dục mầm non	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số phòng học mầm non	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên mầm non	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trẻ em mầm non	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường học các cấp	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lớp học phổ thông	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số phòng học phổ thông	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên phổ thông	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh phổ thông	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.16	Y tế và chăm sóc sức khỏe				
	Số bác sĩ, số giường bệnh trên 10.000 dân	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 dân	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên 100.000 dân	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.17	Du lịch				
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách du lịch nội địa	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.18	Mức sống dân cư				
	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.19	Trật tự, an toàn xã hội				
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ; số người chết, bị thương và thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.20	Tư pháp				
	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.21	Bảo vệ môi trường				
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM _{2,5} và bụi PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Chỉ tiêu thống kê toàn tỉnh khác				
3.1	Hợp tác xã				

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số hợp tác xã, lao động	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
3.2	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá vàng	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá đô la Mỹ	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
3.3	Văn hóa, thể thao và du lịch				
	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Chính thức 2025	30/7/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
4	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp xã				
4.1	Đất đai và dân số				
	Diện tích và cơ cấu đất	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Dân số, mật độ dân số	Chính thức 2024 và sơ bộ 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số cuộc kết hôn	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
4.2	Kinh tế				
	Thu ngân sách xã, phường và cơ cấu thu	Sơ bộ 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách xã, phường và cơ cấu chi	Sơ bộ 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp, số lao động của doanh nghiệp	Sơ bộ 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Số hợp tác xã và lao động trong hợp tác xã	Sơ bộ 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Số cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm, thủy sản và số lao động trong các cơ sở cá thể phi nông, lâm, thủy sản	Sơ bộ 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Dịch vụ và giá
	Diện tích gieo trồng cây hằng năm	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây lâu năm trồng tập trung	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
					Xã hội
	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản nội địa	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích thu hoạch thủy sản	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
4.3	Xã hội, môi trường				
	Số cơ sở giáo dục mầm non	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
					Xã hội
	Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số phòng học mầm non	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên mầm non	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trẻ em mầm non	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lớp tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số phòng học tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số giáo viên tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số nhân lực y tế của trạm y tế	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Chính thức 2025	30/9/2026	Ấn phẩm, Website	Thống kê cơ sở; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
IV	CÔNG BỐ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN				
1	Kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2025 so với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước và khu vực đồng bằng sông Hồng	Sơ bộ	Tháng 12/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2	Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 tỉnh Hưng Yên	Chính thức	Tháng 6/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và xã hội
3	Kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026	Sơ bộ	Tháng 12/2026	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

(*) Nếu các mốc thời gian phổ biến vào các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước, thời hạn phổ biến có thể chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.